

Mô hình du lịch nông nghiệp Gắn với xây dựng nông thôn mới TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN



Du khách đến thưởng ngoạn cánh đồng hoa ở huyện Nghĩa Đàn

■ ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung
Trung tâm KHXH&NV Nghệ An

1. Khái niệm

Du lịch nông nghiệp (DLNN) đã và đang được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Theo Duncan Hilchey, DLNN là một loại hình du lịch do người chủ hoặc người điều hành nông trại triển khai kinh doanh, nhằm mục đích nâng cao kiến thức và thư giãn giải trí đối với công chúng, quảng bá các sản phẩm của nông trại và từ đó, tăng thêm thu nhập cho nông trại⁽¹⁾. Nhà nghiên cứu Ramiro E. Lobo cho rằng: DLNN là khái niệm chỉ hoạt động đến tham quan một nông trại hoặc bất kỳ một cơ sở nào hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm mục đích thư giãn giải trí, nâng cao nhận thức, có thể chủ động tham gia vào hoạt động của nông

trại hoặc cơ sở đó⁽²⁾. Theo Nhóm vận hành DLNN Kentucky (2001), DLNN là bất cứ hoạt động kinh doanh nào do một nông dân tạo ra, nhằm mục đích giải trí hay giáo dục cộng đồng, để thúc đẩy những sản phẩm nông nghiệp và tạo ra thu nhập thêm cho nhà nông⁽³⁾. Tác giả Surabhi Srivastava cho là DLNN “*mang lại cho du khách cơ hội hít thở không khí trong lành, học hỏi về môi trường nông thôn, cưỡi ngựa, thu hoạch trái cây, nuôi động vật, vắt sữa bò và tham gia vào những công việc thực sự của nông trại và mua các sản*

phẩm trực tiếp từ nông trại”⁽⁴⁾. Theo Przezborska Lucyna, DLNN là tất cả các hoạt động du lịch và giải trí có liên quan đến nông nghiệp, trồng trọt, thủy sản hoặc các tổ chức kinh doanh nông nghiệp. Mô hình này còn được xem là đồng nghĩa với du lịch nông trại (farm-based tourism) và là một phần trong nội hàm của khái niệm du lịch nông thôn⁽⁵⁾. Chính phủ Ý đưa ra định nghĩa về DLNN: Là những hoạt động chào đón khách du lịch được thực hiện bởi những nhà kinh doanh nông nghiệp và các thành viên trong gia đình của họ, các hoạt động đó phải có liên hệ mật thiết với hoạt động nông nghiệp⁽⁶⁾.

Mặc dù, chưa có một định nghĩa thống nhất về DLNN, tuy nhiên, hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất tương đối trong quan điểm cho rằng thuật ngữ này bao gồm một loạt các hoạt động ở nông thôn, nông trại tạo ra nhằm mục đích giáo dục hay là giải trí, thư giãn và tham quan, chủ thể chính của DLNN là những người nông dân.

Ở Việt Nam, khái niệm DLNN đã được nghiên cứu trong thời gian gần đây trong một số nghiên cứu của Đào Hồng Bích⁽⁷⁾, Bùi Thị Lan Phương⁽⁸⁾. Ngày 30/3/2018, Tổng cục Du lịch và báo Nông thôn Ngày nay phối hợp tổ chức hội thảo “*Định hướng phát triển DLNN từ góc độ sản phẩm và thị trường*” đã phân tích nội hàm khái niệm DLNN. Theo đó, DLNN được hiểu là loại hình du lịch tạo ra sản phẩm phục vụ du khách chủ yếu dựa trên nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp. Có bốn thành tố để được gọi là “du lịch nông nghiệp”, đó là: (1) Kết hợp giữa du lịch và nông nghiệp; (2) Thu hút du khách đến tham quan các hoạt động liên quan đến nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân; (3) Tạo cho du khách cơ hội giải trí, hoạt động rèn luyện thể lực và tinh thần, gần gũi với thiên nhiên và trải nghiệm cuộc sống nhà nông. Việc phát triển loại hình DLNN có tác dụng, giúp đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ du lịch hỗn hợp cho du khách, gia tăng luồng du khách đến các vùng nông thôn; (4) Kéo dài mùa vụ du lịch trong những thời gian thấp điểm vốn có của ngành du lịch, với hình thức du lịch này, du khách được trải nghiệm hoạt động sản xuất

nông nghiệp, thường thức vẻ đẹp cảnh quan nhân văn do hoạt động sản xuất nông nghiệp tạo ra”⁽⁹⁾.

Đồng quan điểm như trên, Tổng cục Du lịch nhận định: DLNN là loại hình du lịch dựa chủ yếu trên nền tảng của hoạt động, không gian sản xuất nông nghiệp với quan điểm phát triển bền vững về môi trường sinh thái văn hóa. DLNN có các đặc điểm sau: Thu hút khách du lịch đến với các khu vực sản xuất nông nghiệp, thông qua hoạt động nông nghiệp, khách du lịch có cơ hội trải nghiệm, giải trí, rèn luyện thể lực và tinh thần, gần gũi với thiên nhiên. Hoạt động nông nghiệp phát triển du lịch gắn với cộng đồng khu vực nông thôn, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân; thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp⁽¹⁰⁾. Bài viết này sử dụng cách hiểu này về DLNN.

2. Tiềm năng và hiện trạng phát triển DLNN ở Nghệ An

2.1. Tiềm năng phát triển DLNN ở Nghệ An

Nghệ An là tỉnh có tài nguyên DLNN phong phú, đa dạng. Tỉnh có diện tích lớn nhất nước 16.490,25km², trong đó, có 1.457.078,38ha diện tích đất nông nghiệp⁽¹¹⁾, là tiềm năng để phát triển nông, lâm nghiệp trên quy mô lớn, tập trung với nhiều đặc sản trái cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc.

Dân số tỉnh Nghệ An lớn thứ 4 trong cả nước. Riêng vùng nông thôn, dân số 2,5 triệu người, chiếm 80,5% dân số toàn tỉnh, trong đó lực lượng lao động có 1,953 triệu người, chiếm 78%. Có đường biên dài 419,5km, đường bờ biển dài 82km.

Toàn tỉnh có 225/431 xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh quyết định công nhận, chiếm 52,20% (cao hơn bình quân cả nước); Có 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (thành phố Vinh, Thị xã Thái Hòa,

huyện Nam Đàn), đã được Thủ tướng Quyết định công nhận. Hiện Nghệ An có 537 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 72,9% trong tổng số hợp tác xã toàn tỉnh⁽¹²⁾. Chất lượng hoạt động hợp tác xã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt có nhiều hợp tác xã chủ động phát huy nội lực, liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân để mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất hàng hóa, từng bước tiếp cận thị trường trong và ngoài tỉnh. Doanh thu năm 2018 của các hợp tác xã nông nghiệp đạt 234 tỷ đồng, thu nhập lao động thường xuyên của người lao động đạt bình quân 35 triệu đồng/lao động/năm. Số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả là 256 hợp tác xã (chiếm 47,67%); hoạt động trung bình là 161 hợp tác xã (chiếm 29,98%); hoạt động kém hiệu quả là 51 hợp tác xã (chiếm 9,5%)⁽¹³⁾.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ được chuyển đổi mạnh, nâng cao giá trị gia tăng, bền vững theo định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế với nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Sản xuất chăn nuôi vẫn duy trì được số lượng tổng đàn và tăng trưởng sản phẩm. Điển hình là mô hình trang trại chăn nuôi bò sữa công nghệ cao của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sữa TH và Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục chuyển biến mạnh về chất, vừa đảm bảo môi trường sinh thái, vừa đảm bảo dân sinh kinh tế, phát triển bền vững, hiệu quả. Sản xuất thủy sản tăng trưởng mạnh, năng lực đánh bắt xa bờ phát triển, sản lượng thủy sản tăng cao, năng suất nuôi trồng đạt khá, kết hợp áp dụng VietGAP trong nuôi trồng.

Nghệ An có 158 làng nghề được công nhận với 182 sản phẩm nông nghiệp lợi thế tập trung ở các nhóm ngành hàng như thực phẩm (chiếm 66,5%), đồ uống (9,9%), thảo dược (5,5%), vải và may mặc (6,0%), lưu niệm - nội thất - trang trí (8,8%), dịch vụ du lịch nông thôn (3,3%). Sản phẩm lợi thế của nông nghiệp Nghệ An được sản xuất tập trung chủ yếu dưới hình thức sản xuất hộ gia đình có đăng ký kinh doanh (chiếm 32,8%) và hợp tác xã (23%). Đây thực sự là tiềm năng cho (DLNN) du lịch nông nghiệp tỉnh nhà.

Về đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được chú trọng. Đến năm

2019, đã xây dựng, nâng cấp sửa chữa được trên 9.223km đường giao thông nông thôn các loại (trong đó theo chương trình hỗ trợ xi măng của tỉnh đã làm được 3.325km), 3.338km kênh mương, 4.345km đường điện, 662 nhà văn hóa, 241 chợ nông thôn, 12.500 nhà ở dân cư, 366 trạm y tế xã đạt chuẩn.

Bức tranh văn hóa nông nghiệp Nghệ An thêm phần đa dạng, phong phú và thể hiện đặc sắc bởi tập quán sản xuất và văn hóa cộng đồng ở ba vùng miền: vùng miền biển; vùng miền núi và vùng đồng bằng. Mỗi vùng có những giá trị đặc thù, độc đáo về tập tục sinh hoạt, phong tục tập quán, canh tác nông nghiệp, bản sắc văn hóa, kiến trúc nhà ở, làng nghề truyền thống, văn hóa ẩm thực... đã tạo nên bức tranh đa màu sắc và là những giá trị đặc biệt cho phát triển du lịch nông nghiệp.

2.2. Hiện trạng phát triển DLNN ở Nghệ An

Khai thác tiềm năng sẵn có, trong thời gian gần đây, nhiều mô hình phát triển nông nghiệp gắn với du lịch đã lần lượt ra đời, có thể kể đến Đảo chè (Thanh Chương), sen và các sản phẩm từ sen kết hợp dân ca ví dặm, homestay (Hợp tác xã Sen Quê Bác - Nam Đàn), Đồi hoa xuân Thái Hòa, Đồi hoa Trương Gia Trang (Nghĩa Đàn), Trải nghiệm làm ngư dân cùng Làng nghề chế biến nước mắm Hải Giang 1, Hội sản xuất kinh doanh cá thu nướng (Cửa Lò), Cam Vinh - những mùa vàng (Quỳ Hợp), du lịch cộng đồng của đồng bào dân tộc ở Anh Sơn, Con Cuông, Quế Phong, Tân Kỳ... Ưu điểm chung lớn nhất hiện nay đó là đã khai thác được giá trị của điểm đến tham quan, đáp ứng được cơ bản nhu cầu trải nghiệm cảnh nông thôn bình yên, một môi trường trong lành, thân thiện, trải nghiệm làm người dân lao

động, hưởng thụ hương đồng gió nội.

Về dịch vụ du lịch gồm có nhóm dịch vụ du lịch do chính các điểm tham quan du lịch cung cấp (như cùng trải nghiệm sản xuất, ăn, ngủ, chơi với người nông dân) và nhóm dịch vụ do địa phương cung cấp (như hệ thống nhà hàng, khách sạn, vận chuyển, khu vui chơi giải trí), đã cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng khách khi đến với địa phương. Qua số liệu khảo sát cho thấy, thành phố Vinh - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh và thị xã Cửa Lò với bãi tắm nổi tiếng bậc nhất khu vực là nơi tập trung chủ yếu các nhà hàng, khách sạn. Tổng cơ sở lưu trú ở Vinh là 185, Cửa Lò là 305 (trên tổng số 834 cơ sở lưu trú toàn tỉnh). Tổng số cơ sở lưu trú ở các vùng: vùng ven biển 434 cơ sở (chiếm 52%), vùng đồng bằng 50 cơ sở (chiếm 6%), vùng ven đô 190 cơ sở (chiếm 22,8%)⁽¹⁴⁾.

Về hàng hóa DLNN khá phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại phân bố ở các vùng trong tỉnh. Vùng ven biển có ưu thế với nhóm sản phẩm hải sản và mây tre đan. Vùng đồng bằng có ưu thế về nhóm sản phẩm chế biến lương thực, thực phẩm và mỹ nghệ. Vùng nông nghiệp ven đô có ưu thế với các sản phẩm hàng hóa lưu niệm và sản phẩm gỗ mỹ nghệ. Vùng nông nghiệp miền núi đang dạng hàng hóa du lịch gắn với nhiều ngành nghề khác nhau như chế tác đá mỹ nghệ, sản phẩm nhóm đồ uống, thảo dược, sản phẩm dệt thổ cẩm.

Về khai thác thị trường khách DLNN hiện nay chủ yếu là nội tỉnh, trong đó lượng khách từ trung tâm thành phố về các huyện chiếm 70%, một lượng nhỏ khách đến từ các huyện khác. Lượng khách từ các tỉnh bạn đến tham quan chưa nhiều. Theo kết quả khảo sát tại 29 điểm

Một số mô hình phát triển nông nghiệp gắn với du lịch ở Nghệ An:



Đào chè (Thanh Chương)



Hợp tác xã Sen quê Bác (Nam Đàn)



Trang trại cam (Nghĩa Đàn)

DLNN mà nhóm thực hiện đề tài phỏng vấn sâu (năm 2019), chỉ có 02 điểm đã đón khách nước ngoài (chiếm 6,9%), các điểm còn lại chủ yếu đón khách trong tỉnh. Tại điểm khảo sát ở Đảo chè huyện Thanh Chương, hàng năm, vào khoảng tháng 9,10, đón 70-80% khách Tây (chủ yếu châu Âu, Đức).

Về hoạt động kinh doanh của các mô hình DLNN: DLNN ở Nghệ An hiện nay hoạt động dưới nhiều mô hình khác nhau, bởi vậy, có sự khác biệt về cách thức hoạt động và chia sẻ lợi nhuận. Mô hình: tổ chức, cá nhân canh tác nông nghiệp kết hợp khai thác du lịch là mô hình phổ biến hiện nay của DLNN ở Nghệ An. Mô hình này khai thác chủ yếu trực tiếp trên khu vực sản xuất nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị du lịch và nông nghiệp. Một số mô hình hợp tác xã phát triển nông nghiệp, nghề thủ công kết hợp du lịch sinh thái. Các nhà vườn, trang trại canh tác, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn du khách (như: Làng nòi đất Trù Sơn - Đô Lương, Đồi hoa xuân Thái Hòa, các trang trại cây ăn quả ở Thái Hòa, Nghĩa Đàn, trang trại trồng cây sớ - Nghĩa Đàn).

Mô hình kinh doanh du lịch cộng đồng với sự liên kết của các hộ gia đình là mô hình có sự đầu tư đồng bộ, chất lượng dịch vụ tốt nhất trong các loại mô hình kinh doanh DLNN ở Nghệ An hiện nay. Nghệ An có hơn 40 cơ sở lưu trú homestay đủ sức chứa cho 1.200 khách, tập trung chủ yếu ở các huyện miền Tây Nghệ An, như: homestay bản Nưa - Yên Khê (Con Cuông); Hồng Long homestay; The Beach House Cửa Lò 1; The Beach House Cửa Lò 2; Dong Du Village Lakeside Farmstays (Thái Hòa); Lưu Phúc hostel Nghệ An (Nam Đàn); Chez Thuy Farmstay (Thái Hòa). Phần lớn các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng thông qua cung cấp các dịch vụ homestay cho khách du lịch dưới hình thức đầu tư, tôn tạo nhà ở thành phòng cho thuê. Ngoài ra, các hộ còn kinh doanh dịch vụ ăn uống, vận chuyển tham quan và một số dịch vụ vui chơi giải trí ngoài trời (câu cá, tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống).

Mô hình du lịch cộng đồng đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng và từng hộ gia đình bên cạnh các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Với mô hình này,

các hộ gia đình chủ động, dễ tiếp cận hoạt động kinh doanh du lịch, tranh thủ điều kiện sẵn có của gia đình, bản sắc văn hóa của dân tộc để thu hút khách, vốn đầu tư thấp.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có mô hình doanh nghiệp du lịch liên kết với các hộ gia đình khai thác kinh doanh du lịch (Mô hình Rượu men lá Quỳnh Châu). Mô hình doanh nghiệp đầu tư xây dựng trang trại nghỉ dưỡng, giáo dục gắn với sinh thái nông nghiệp khu du lịch sinh thái Cửa Hội, trang trại Trám Thanh Chương, Check in cánh đồng hoa hướng dương và tham quan trang trại bò sữa của Công ty Cổ phần Sữa TH.

Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho phát triển sản phẩm DLNN được thực hiện gián tiếp thông qua: Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030 (OCOP). Các xã, huyện đã xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm DLNN trên cơ sở chính sách xây dựng nông thôn mới như: hỗ trợ kinh phí đổi mới công nghệ, trang thiết bị, gắn nhãn mác, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, tổ chức sản xuất tại khu vực có quy hoạch, ưu tiên khu vực trong tuyến du lịch... Nhờ vậy, đã làm thay đổi căn bản hình ảnh nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch tại khu vực nông thôn.

Một số huyện, xã đã được quy hoạch chi tiết cho phát triển du lịch, bố trí đầu tư về cơ sở hạ tầng tại các tuyến, điểm du lịch; Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư sản xuất, huy động nhân dân trên địa bàn tham gia phát triển du lịch nông nghiệp; Khuyến khích nhân dân và các tổ chức kinh tế mạnh dạn sản xuất nâng cao chất

lượng các sản phẩm truyền thống của địa phương, đưa vào chương trình OCOP gắn với giới thiệu và phát triển du lịch.

Bên cạnh đó là các quy hoạch, đề án, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch nông thôn định hướng, huy động sự quan tâm đầu tư cho phát triển du lịch nông thôn như Đề án phát triển du lịch cộng đồng ở Con Cuông, Quỳnh Châu, Quế Phong, Anh Sơn...

Các hoạt động xúc tiến quảng bá điểm đến, xúc tiến sản phẩm gắn với đặc trưng văn hóa, sản vật địa phương như: Lễ hội ẩm thực, Lễ hội cam, Lễ hội hoa hướng dương... mang tính chất truyền thông, giới thiệu có sức lan tỏa bước đầu.

Phát triển sản phẩm DLNN còn gặp rất nhiều tồn tại, bất cập như là: (1) Nghệ An chưa có đề án, chương trình nào về phát triển sản phẩm DLNN. Chưa có quy hoạch một cách khoa học, các vùng các địa phương, các trang trại, các sản phẩm có thể tham gia loại hình DLNN. (2) Về sản phẩm DLNN chưa đáp ứng thị trường. Sản phẩm mới chỉ đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, ăn uống, trải nghiệm của du khách ở mức đơn giản. Sản phẩm DLNN chất lượng cao để phục vụ du khách chưa nhiều. Chi tiêu của khách đối với sản phẩm DLNN chủ yếu mua vé tham quan, ăn uống, phòng ở, mà chưa chi nhiều cho các dịch vụ ngoài tour (do chưa có nhiều dịch vụ hỗ trợ hoặc có nhưng không hấp dẫn được du khách). Sản phẩm DLNN đang thiếu tính kết nối tour, tuyến, dịch vụ hỗ trợ, giá cả, chất lượng dịch vụ. (3) Về chất lượng dịch vụ, chất lượng điểm đến còn thấp, trang thiết bị lạc hậu. Khai thác dịch vụ DLNN còn bị động. Đối với dịch vụ do các hộ nông cung cấp về chất lượng chưa đạt chuẩn, đặc biệt còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp với khách du lịch, chỉ phục vụ theo yêu cầu của du khách, chưa biết kích thích nhu cầu tiêu dùng dịch vụ. (4) Nguồn nhân lực còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Người nông dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, các kỹ năng nghiệp vụ du lịch, đặc biệt là DLNN. Tại các làng nghề truyền thống có hiện tượng già hóa nguồn nhân lực. (5) Thiếu sự liên kết giữa các hộ nông trong vùng phát triển du lịch. Kết nối giữa doanh nghiệp lữ hành với các điểm đến DLNN chưa chặt chẽ, thiếu tính chuyên nghiệp và sự tin tưởng lẫn

nhau. Năng lực các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh chưa cao. Hiện mới có lẻ tẻ một số doanh nghiệp khai thác mảng DLNN như: Công ty CP du lịch Nghệ An, Vinh Guru, Công ty Đầu tư du lịch Phuc-Group. (6) Tính thời vụ trong du lịch ở Nghệ An vốn cao, tính thời vụ trong DLNN lại càng cao. 100% các điểm khảo sát đều cho rằng, nếu phát triển DLNN thì chỉ diễn ra mùa vụ, thời gian giao động trong vài tháng trong năm. Lý do là chịu ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ của sản phẩm nông nghiệp và bởi chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thời tiết khí hậu khắc nghiệt.

3. Một số kiến nghị nhằm khai thác sản phẩm DLNN ở Nghệ An

DLNN là sản phẩm khá mới mẻ ở Nghệ An. Bên cạnh những lợi thế, ưu điểm, còn gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, cần đưa ra hệ thống các giải pháp mang tính chất tác động đồng bộ, nhằm khắc phục các mặt còn hạn chế, khai thác hiệu quả tiềm năng sẵn có của tỉnh: Giải pháp về cơ chế chính sách; Giải pháp thu hút vốn đầu tư; Giải pháp về tổ chức, quản lý; Giải pháp về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch; Giải pháp về xây dựng, phát triển sản phẩm DLNN; Marketing, quảng bá, xúc tiến; Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... Về chủ trương, tỉnh Nghệ An, ngành du lịch và nhân dân địa phương cần xem DLNN là sản phẩm lợi thế, cần được tiếp tục đầu tư xây dựng, khai thác và hoàn chỉnh sản phẩm trên cơ sở gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Sở Du lịch Nghệ An cần chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách (hoặc Chương trình/kế hoạch/Đề án) xây dựng, phát triển các

vùng DLNN trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên tập trung giải quyết các vấn đề như: (1) Vấn đề: Quy hoạch chi tiết không gian của các trang trại, nhà vườn gắn phát triển nông nghiệp, phát triển các đặc sản, sản phẩm truyền thống địa phương với phát triển du lịch; Các vấn đề liên quan đến chủ trương giao quỹ đất nông nghiệp một cách hợp lý cho tổ chức, người dân kinh doanh du lịch nông nghiệp, để xây dựng các hạng mục cơ sở vật chất cần thiết phục vụ khách du lịch (như nhà lán, homestay...); (2) Vấn đề: Xây dựng sản phẩm DLNN đặc trưng, trọng tâm của tỉnh, của huyện, của xã, của làng. Chú trọng xây dựng sản phẩm DLNN “bốn mùa”. Vùng ven biển nơi tập trung rất nhiều làng nghề liên quan đến đánh bắt hải sản và sản xuất các thực phẩm từ hải sản như nước mắm, cá biển khô... Cần xây dựng các chương trình du lịch

làng nghề tại các vùng ven biển. Vùng ven đô và vùng đồng bằng, nơi tập trung các di tích văn hóa, di tích lịch sử, các khu du lịch sinh thái cần kết hợp các điểm du lịch văn hóa trong các tour du lịch, tạo thêm điểm nhấn cho du khách khi tham quan du lịch tại địa phương. Vùng miền núi tập trung các sản phẩm homestay, trải nghiệm văn hóa các dân tộc, cần được ưu tiên, tập trung phát triển về du lịch nông thôn. Cần xây dựng và xác định rõ ràng về các phương thức sản xuất, canh tác của từng dân tộc. Các nghề nông nghiệp cần được phân tách rõ ràng về quy trình sản xuất, cách thức và thời gian sản xuất. Các hoạt động như trải nghiệm, khám phá các quy trình sản xuất của mỗi nghề cho du khách tham gia cần được xây dựng, nghiên cứu sao cho phù hợp với điều kiện tại địa phương; (3) Các sản phẩm về ẩm thực địa phương: Các món ăn cần được nghiên cứu mang đậm nét văn hóa địa phương và nông nghiệp; (4) Vấn đề marketing, quảng bá, xúc tiến du lịch nông nghiệp; (5) Vấn đề đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực DLNN./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Kuehn, D., Hilchey, D., Ververs, D., Dunn, K. L., & Lehman, P. (1998), *Considerations for agritourism development*, Sea Grant New York, Cornell University, State University of New York.

⁽²⁾ Lobo, R., Goldman, G., Jolly, D., Wallace, B., Schrader, W. L., & Parker, S. (1999), *Agritourism benefits agriculture in San Diego county*, California Agriculture, 53(6), 20-24.

⁽³⁾ Walton, L. A. B. (2007), *Kentucky wineries networking activities for Tourism development in relation to growth and profitability*.

⁽⁴⁾ Srivastava, S. (2016), Agritourism as a Strategy for the Development of Rural Areas Case Study of Dungrajya Village, Southeast Rajasthan, India, *Journal of Medical and Dental Science Research*, 3(6), 35-39.

⁽⁵⁾ Wilson, S., Fesenmaier, D. R., Fesenmaier, J.&Van Es, J.C. (2001), Factors for success in rural tourism development, *Journal of Travel research*, 40(2), 132-138.

⁽⁶⁾ Porcaro, P. (2009), *Agritourism in Italy*, International Specialised Skills Institute Inc. Melbourne.

⁽⁷⁾ Đào Hồng Bích (2018), *Giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Mù Cang Chải - Yên Bái*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Dân lập Hải Phòng.

⁽⁸⁾ Bùi Thị Lan Phương (2019), *Du lịch nông nghiệp và du lịch nông thôn*.

⁽⁹⁾ Ngô Thị Phương Lan, Trần Anh Tiên, Hoàng Ngọc Minh Châu (2020), Du lịch nông nghiệp - Từ kinh nghiệm ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đến sự phát triển tại huyện Yeongdong, tỉnh Chungcheongbuk, Hàn Quốc, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 4(2):365-375.

⁽¹⁰⁾ Tổng cục Du lịch (2018), *Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp*, Tham luận Hội thảo toàn quốc “Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”, Lai Châu, tháng 12/2018.

⁽¹¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2019*, Nxb Thống kê, năm 2020, tr. 32.

⁽¹²⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, số liệu tính đến ngày 31/12/2018.

⁽¹³⁾ Tổng hợp từ báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Liên minh hợp tác xã tỉnh Nghệ An.

⁽¹⁴⁾ Báo cáo Phân bố dịch vụ lưu trú của Phòng Nghiệp vụ lưu trú, Sở Du lịch Nghệ An, tháng 9/2019.